

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG**  
Bản án số 53/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 07/07/2023  
"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Xuyên

***Các Hội thẩm nhân dân:***

[1] Bà Lê Thị Thận.

[2] Ông Trần Đức Hòa.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 117/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị U; sinh năm 1970 ( có mặt )

Địa chỉ : Thôn 3 , xã T , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Đào Đình T; sinh năm 1964 ( có mặt )

Địa chỉ : Thôn 3 , xã T , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Tôi và anh Đào Đình T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước số 27, quyền số 01 ngày 27/9/1999, quá trình sống chung đến năm 2015 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, vợ chồng không thống nhất được ý kiến chung, anh Thành hay chơi cờ bạc, uống rượu và bạo lực gia đình rất nhiều lần, Tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Thành vẫn không thay đổi, nay tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Đào Thị Hồng N, sinh ngày 24/7/2000, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; Đào Việt T, sinh ngày 27/1/2006, chưa thành niên, chị Nguyễn Thị U có nguyện vọng nhận chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên. Không yêu cầu trợ cấp nuôi con.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn anh Đào Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Nguyễn Thị U về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tôi có uống rượu không kim chế được bản thân, Tôi có bạo lực gia đình là đúng, nhưng nay tôi xin lỗi cô Út, tôi hứa sẽ không uống rượu và chửi bới vợ con nữa, mong cô Út tha thứ, Tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đào Thị Hồng N, sinh ngày 24/7/2000, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; Đào Việt T, sinh ngày 27/1/2006, chưa thành niên, anh có ý kiến cháu muốn ở với ai do cháu quyết định.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Nguyễn Thị U có sống chung và có đăng ký kết hôn với anh Đào Đình T, nay chị Út xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Nguyễn Thị U và anh Đào Đình T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Đào Đình T là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Nguyễn Thị U và anh Đào Đình T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn xảy ra từ lâu, vợ chồng có xảy ra bạo lực gia đình thường xuyên, anh Đào Đình T thừa nhận là đúng.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Đào Đình T.

[4] Về con chung, Đào Thị Hồng N, sinh ngày 24/7/2000, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Cháu Đào Việt T, sinh ngày 27/1/2006, theo lời khai của cháu hiện đang đi học phổ thông, cháu muốn ở với bố, vì vậy cần giao cháu cho anh Đào Đình T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét

[7]. Về án phí: chị Nguyễn Thị U nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Đào Đình T.

[2] Về con chung, Đào Thị Hồng N, sinh ngày 24/7/ 2000, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao cháu Đào Việt T, sinh ngày 27/1/2006 cho anh Đào Đình T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: chị Nguyễn Thị U nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001065 ngày 31/05/2023(đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Xuyên**